

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2019/HNGĐ – ST**

Ngày: 11-6-2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Ông Võ Đức Thọ

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 54/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐHPT ngày 20/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hà Thị T**, sinh năm: 1988 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ:

+ HKTT: đội 2, thôn Eakrăi, xã Đliêya, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

+ Tạm trú: Ấp 4, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông **Bùi Văn L**, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ:

+ HKTT: Thôn Trại, xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, tỉnh Hải Phòng.

+ Tạm trú: Ấp 4, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 9 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Hà Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đliêya, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Trước khi kết hôn, có tìm hiểu nhau trong khoảng 03 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại ấp 4, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do T tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay bà nhận thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn L.

Về con: Vợ chồng có 01 người con chung tên Bùi Hà Trâm A, sinh ngày 27/4/2014. Con chung hiện nay đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Về nợ: Bà T và ông L không nợ ai và cũng không có ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông L vẫn không có ý kiến và cũng không có mặt để làm việc với Tòa án.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Do bị đơn vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền lợi của bị đơn cũng như để xem xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ hay không. Xét thấy, việc niêm yết các thủ tục tố tụng trong vụ án là không hiệu quả, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để Tòa án yêu cầu bà Hà Thị T làm thủ tục yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

** Về nội dung giải quyết vụ án:* Không phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án do đã đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Hà Thị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn L, yêu cầu của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L cư trú tại Ấp 4, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng trong vụ án: Căn cứ biên bản xác minh ngày 30/01/2019 tại Ban công an xã Lộc Hưng thì ông Bùi Văn L vẫn có mặt tại địa phương, ông L đăng ký tạm trú tại Ấp 4, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Mặt khác, căn cứ thông tin từ thư gửi bưu điện (dấu bưu cục ngày 11/01/2019) kèm giấy nhân chuyển hoàn (dấu bưu cục ngày 15/01/2019), cùng phiếu báo phát kèm theo thể hiện ông Bùi Văn L từ chối nhận. Vì vậy, căn cứ vào đoạn 2 khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành tổng đạt (niêm yết) các thủ tục tố tụng cho bị đơn – ông Bùi Văn L là đúng quy định pháp luật.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, sau khi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa kiểm tra sự có mặt của những người được triệu tập tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn vì đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tuy nhiên, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát cho rằng việc niêm yết các thủ tục tố tụng là không đạt hiệu quả và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để Tòa án yêu cầu bà Hà Thị T làm thủ tục yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là mâu thuẫn, đồng thời không phù hợp với quy định pháp luật vì pháp luật không quy định bắt buộc đương sự phải thực hiện thủ tục yêu cầu Tòa án Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định: Việc Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh niêm yết các thủ tục tố tụng trong vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Do đó, đề nghị tạm ngừng phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị T, sinh năm 1988, ông Bùi Văn L, sinh năm 1982 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Diên Ya, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp.

Như đã phân tích tại phần thủ tục tố tụng đạt văn bản tố tụng thì việc niêm yết các thủ tục tố tụng của Tòa án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên ông L không tham gia tố tụng tại Tòa án là xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Bà T xác định vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông L đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con: Hiện nay con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, do con còn nhỏ và để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con về thể chất lẫn tinh thần nên cần giao con chung tên Bùi Hà Trâm A, sinh ngày 27/4/2014 cho bà Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do không có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà T phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 177, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T.
- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hà Thị T được ly hôn với ông Bùi Văn L.
- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Hà Trâm A, sinh ngày 27/4/2014 cho bà Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

2/ Về án phí: Bà Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số: 0006355 ngày 26/12/2018.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Đliêya;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh